TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2020
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Bà Hoàng Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bé O, sinh ngày 01/01/1986 (có mặt)

2- Bị đơn: Anh Võ Văn N sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Kinh Dài, xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé O trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị O anh Võ văn N kết hôn với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 27/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu gây rối an ninh trật tự dẫn đến vợ chồng cự cải nhau làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa, từ đó vợ chồng đã

ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Võ Văn N.

Về con chung: Có 03 người con tên Võ Thị Huyền T, sinh ngày 20/6/2004, Võ Thị Huỳnh Q, sinh ngày 19/9/2007 và Võ Huỳnh Tuấn T, sinh ngày 31/8/2016, từ khi ly thân cho đến nay chị chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu vẫn ổn định và bản thân chị cũng có đủ điều kiện nuôi con. Nay chị yêu cầu xin được nuôi 03 đứa con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Văn N Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị O.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Huỳnh Thị Bé O vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Võ Văn N vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bé O, xử cho chị Huỳnh Thị Bé O và anh Võ Văn N được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bé O giao cháu Võ Thị Huyền T,Võ Thị Huỳnh Q và Võ Huỳnh Tuấn T cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bé O thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1

Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Võ Văn N được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn Nhiệm.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bé O và anh Võ Văn N kết hôn với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn ngày 27/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện An B, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị O và anh N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cự cải nhau thường xuyên, làm cho hạnh phúc không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay bản thân anh chị và gia đình cha mẹ hai bên cũng không tự hòa giải được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bé O xử cho chị Huỳnh Thị Bé O và anh Võ Văn N ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Bé O và anh Võ Văn N có 03 người con tên Võ Thị Huyền T, sinh ngày 20/6/2004, Võ Thị Huỳnh Q, sinh ngày 19/9/2007 và Võ Huỳnh Tuấn T, sinh ngày 31/8/2016, chị O yêu cầu xin được nuôi 03 cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị O là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay chị O chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu vẫn ổn định và bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa cũng là theo nguyện vọng của cháu T và cháu Q. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị O, giao cháu Võ Thị Huyền T, Võ Thị Huỳnh Q và Võ Huỳnh Tuấn T cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bé O thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bé O phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy chị O đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, đểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị Bé O và anh Võ Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bé O là giao cháu Võ Thị Huyền T, sinh ngày 20/6/2004, Võ Thị Huỳnh Q, sinh ngày 19/9/2007 (theo nguyện vọng của cháu T và cháu Q) và Võ Huỳnh Tuấn T, sinh ngày 31/8/2016 cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị O và anh N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bé O thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bé O phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008542, ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị O đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị O có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/8/2020). Đối với anh N vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm